

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 9 - 2020

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Công Thuận.

2. Bà Phan Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa –Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 33/2020/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Huỳnh Thị Ch, sinh năm: 1972; Cư trú tại: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Trương Văn H, sinh năm: 1966; Cư trú tại: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 02 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Huỳnh Thị Ch trình bày:

Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Ch với anh Trương Văn H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào ngày 26/4/1992, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 10/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị Ch và anh H sống ly thân từ tháng 10/2018 cho đến nay. Nay chị Ch xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, nên chị Ch yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa chị và anh H không phải là vợ chồng. Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Ch và anh H có 01 người con chung

tên là Trương Văn D, sinh năm: 1993. Hiện nay, D đã thành niên, không mắc bệnh tật gì, tự lao động nuôi sống bản thân được, nên chị Ch không có yêu cầu gì. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ch không có yêu cầu gì.

Bị đơn là anh Trương Văn H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, anh H không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Trương Văn H là bị đơn trong vụ án, anh H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

Đối với nguyên đơn Huỳnh Thị Ch, đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Ch.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Ch và anh Trương Văn H có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào năm 1992, trên tinh thần tự nguyện của anh chị, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống do vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống, nên đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, kéo dài đến tháng 10/2018 thì anh chị sống ly thân cho đến nay. Tại đơn yêu cầu khởi kiện ngày 14 tháng 02 năm 2020, chị Ch yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa chị và anh H không phải là vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Ch và anh H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Tại đơn yêu cầu khởi kiện ngày 14 tháng 02 năm 2020, chị Ch yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa chị và anh H không phải vợ chồng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình xử tuyên bố không công nhận chị Ch và anh H là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Ch và anh H có 01 người con chung tên là Trương Văn D, sinh năm: 1993. Hiện nay, D đã thành niên, không mắc bệnh tật gì, tự lao động nuôi sống bản thân được, nên chị Ch không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ch không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ch phải chịu nghĩa vụ án phí đối với vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng; Anh H không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Ch.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Huỳnh Thị Ch và anh Trương Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Ch và anh H có 01 người con chung tên là Trương Văn D, sinh năm: 1993. Hiện nay, D đã thành niên, không mắc bệnh tật gì, tự lao động nuôi sống bản thân được, nên chị Ch không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ch không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Ch phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình, nhưng chị Ch được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009766 ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị Ch đã nộp xong tiền án phí Hôn nhân và gia đình; Anh Trương Văn H không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị Ch và anh Trương Văn H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Mỹ Xuyên